

Số: /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày tháng năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 198/TTr-TNMT ngày 25/4/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH vật liệu ứng dụng HIUV, địa chỉ trụ sở chính tại Một phần lô đất CN14, Khu công nghiệp Việt Hàn, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Dự án sản xuất cung ứng vật liệu ứng dụng HIUV” tại lô CN-14, KCN Việt Hàn, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án

1.1. Tên dự án: Dự án sản xuất cung ứng vật liệu ứng dụng HIUV.

1.2. Chủ dự án: Công ty TNHH vật liệu ứng dụng HIUV

1.3. Địa điểm hoạt động: Lô CN-14, KCN Việt Hàn, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

1.4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2400959595 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp, đăng ký lần đầu ngày 04/4/2023, đăng ký thay đổi lần thứ 1, ngày 12/4/2023.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 9800713603 do Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang cấp, chứng nhận đăng ký lần đầu ngày 31/3/2023, chứng nhận thay đổi lần thứ hai, ngày 05/4/2024.

1.5. Mã số thuế: 2400959595

1.6. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất các loại màng nhựa EVA, màng nhựa POE, màng nhựa EPE và màng cao phân tử polymer đặc biệt phục vụ cho ngành năng lượng mặt trời (mã ngành VSIC: 2220).

1.7. Phạm vi, quy mô của dự án đầu tư:

- Phạm vi: Dự án được thực hiện tại Lô CN-14, Khu công nghiệp Việt Hàn, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang với diện tích 52.761 m².

- Quy mô, công suất của dự án đầu tư:

+ Dự án có tiêu chí như dự án nhóm A (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công); không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

+ Sản xuất các loại màng nhựa EVA, màng nhựa POE, màng nhựa EPE và màng cao phân tử polymer đặc biệt phục vụ cho ngành năng lượng mặt trời: 200.000.000 m² sản phẩm/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH vật liệu ứng dụng HIUV được cấp Giấy phép môi trường

2.1. Công ty TNHH vật liệu ứng dụng HIUV có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2.2. Công ty TNHH vật liệu ứng dụng HIUV có trách nhiệm:

- Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

- Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Báo cáo kịp thời với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thị xã Việt Yên nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

- Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thị xã Việt Yên.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm, kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực thi hành.

Quyết định số 1051/QĐ-UBND ngày 27/9/2023 của UBND tỉnh Bắc Giang cấp phép môi trường cho Công ty TNHH vật liệu ứng dụng HIUV được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường dự án “Dự án sản xuất cung ứng vật liệu ứng dụng HIUV” tại lô CN-14, KCN Việt Hàn, huyện Việt Yên (nay là thị xã Việt Yên), tỉnh Bắc Giang và các giấy phép môi trường thành phần (nếu có) hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực thi hành.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, UBND thị xã Việt Yên, cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án “Dự án sản xuất cung ứng vật liệu ứng dụng HIUV” tại lô CN-14, KCN Việt Hàn, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang của Công ty TNHH vật liệu ứng dụng HIUV làm chủ đầu tư được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Sở Tài nguyên và Môi trường, Hội đồng thẩm định cấp Giấy phép môi trường được thành lập theo Quyết định số 283/QĐ-TNMT ngày 08/4/2024 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường: Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường; về kết quả thẩm định hồ sơ, tham mưu trình UBND tỉnh cấp Giấy phép môi trường cho “Dự án sản xuất cung ứng vật liệu ứng dụng HIUV” được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đầu tư Công ty TNHH vật liệu ứng dụng HIUV tại lô CN-14, KCN Việt Hàn, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang đã đảm bảo theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công thương, Sở Khoa học và Công nghệ; Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh; UBND thị xã Việt Yên, Công ty TNHH vật liệu ứng dụng HIUV và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Giấy phép này thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- Chủ dự án (trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công);
- Văn phòng UBND tỉnh:
- + LĐVP (CVP, PCVP-PT), TH, KTN;
- + Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- + Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Lưu: VT, KTN Việt Yên.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Ô Pích

Phụ lục 1**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND
ngày / /2024 của UBND tỉnh Bắc Giang)**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI**

Dự án không thuộc trường hợp phải cấp phép xả nước thải theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, do:

Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh của dự án “Dự án sản xuất cung ứng vật liệu ứng dụng HIUV” sau khi xử lý qua hệ thống xử lý nước thải công suất 32m³/ngày đêm đạt tiêu chuẩn quy định của khu công nghiệp Việt Hàn, thị xã Việt Yên được đấu nối với hệ thống thu gom nước thải và đưa về trạm xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Việt Hàn do Công ty TNHH Phát triển Fuji Phúc Long (*chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp*) xây dựng và quản lý vận hành để tiếp tục xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A sau đó xả ra môi trường; dự án không xả nước thải trực tiếp ra môi trường.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải**

1.1. Mạng lưới thu gom nước từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

Nước thải sinh hoạt được xử lý sơ bộ tại 04 bể tự hoại 3 ngăn (02 bể thể tích 10m³/bể có kích thước 2mx2,5mx2m; 02 bể thể tích 3m³ /bể có kích thước 1,5mx1mx2m), sau đó theo đường ống HDPE D110, D200 với tổng chiều dài khoảng 462m dẫn về hệ thống xử lý nước thải của dự án công suất 32m³/ngày đêm để xử lý đạt Tiêu chuẩn đầu vào của KCN Việt Hàn trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của KCN Việt Hàn, thị xã Việt Yên qua 01 điểm đấu nối.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải: Nước thải → Bể gom → Bể điều hòa → Bể thiếu khí (Anoxic) → Bể hiếu khí (MBBR) → Bể lắng → Bể khử trùng → Nước thải sau xử lý đạt Tiêu chuẩn đầu vào của KCN Việt Hàn đấu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của KCN Việt Hàn.

- Công nghệ xử lý nước thải: Công nghệ xử lý sinh học AO+MBBR.

- Công suất thiết kế: 32 m³ /ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng:

+ Chlorine: 10 kg/tháng;

+ Methanol: 180 kg/tháng;

+ Mật rỉ đường: 60 lít/tháng.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải

1.4.1. Phương án phòng ngừa sự cố

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật (có nhật ký theo dõi, giám sát vận hành).

- Thường xuyên bảo dưỡng và duy tu, thay thế các thiết bị hỏng hóc, đảm bảo thay thế và bảo dưỡng các thiết bị vật liệu lọc, thiết bị xử lý đạt hiệu quả xử lý nước thải.

- Các hóa chất sử dụng tuân theo sự hướng dẫn của nhà sản xuất; không sử dụng các chất trong danh mục cấm của Việt Nam.

- Kiểm tra hệ thống thu gom và xử lý nước thải hàng ngày để có biện pháp phòng ngừa, bảo dưỡng định kỳ, kịp thời xử lý sự cố.

- Đảm bảo quy trình vận hành trạm xử lý nước thải theo đúng kỹ thuật, tuân thủ định mức hóa chất.

- Luôn dự trữ và có phương án thay thế các thiết bị có nguy cơ hỏng hóc (như: máy bơm, phao, van, thiết bị sục khí, cánh khuấy và các thiết bị chuyển động khác,...) để kịp thời thay thế khi hỏng hóc.

- Quan trắc, giám sát định kỳ nước thải tại cửa xả và nước thải sau một số khâu xử lý như: Sau bể điều hòa, bể lắng, bể xả thải để kịp thời có giải pháp điều chỉnh vận hành đảm bảo chất lượng nước xử lý đạt quy chuẩn.

+ Thường xuyên kiểm tra, theo dõi mật độ vi sinh.

+ Bổ sung dinh dưỡng nuôi vi sinh, hoá chất khử trùng.

+ Trường hợp xảy ra sự cố, báo cáo chủ hạ tầng KCN xem xét tiếp nhận xử lý nước thải cho dự án.

1.4.2. Phương án ứng phó sự cố

- Phải dừng hoạt động Hệ thống xử lý để sửa chữa, đề ra phương án khắc phục.

- Trong trường hợp sự cố kỹ thuật, cần phải sửa chữa thiết bị máy móc của trạm và phải dừng hoạt động của hệ thống khắc phục sự cố trong vòng 1 ngày, thuê đơn vị chức năng đến hút nước thải đi xử lý.

- Nước thải qua hệ thống xử lý được đánh giá có thể gặp các sự cố một hoặc một số thông số ô nhiễm trong nước thải sau xử lý chưa đạt QCCP. Tùy theo thông số ô nhiễm nào vượt QCCP mà có sự kiểm tra, điều chỉnh và đưa ra các biện pháp khắc phục khác nhau. Trong trường hợp sự cố phức tạp không thể tự xử lý cần liên hệ với bên lắp đặt, xây dựng hệ thống để có biện pháp xử lý.

- Đồng thời thông báo đến đơn vị chủ hạ tầng KCN để xử lý và có phương

án tiếp nhận xử lý.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến từ tháng 10/2024 đến tháng 12/2024.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: 01 Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 32m³ /ngày đêm.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

TT	Vị trí giám sát	Tần suất lấy mẫu	Thông số giám sát	Quy chuẩn so sánh
1	01 vị trí nước thải đầu vào tại bể gom	Lấy mẫu đơn 01 lần/ngày. Thời gian dự kiến: Ngày 22/10/2024	Lưu lượng thải và các thông số gồm: pH, BOD ₅ , COD, Chất rắn lơ lửng, Sunfua, Amoni (tính theo N), Tổng dầu mỡ khoáng; Tổng phốt pho (tính theo P), Tổng nitơ; Coliform.	Tiêu chuẩn quy định của KCN Việt Hàn
2	01 vị trí nước thải đầu ra sau hệ thống xử lý nước thải	Lấy mẫu đơn với tần suất 01 ngày/lần, trong vòng 3 ngày liên tiếp. Thời gian dự kiến như sau: -Lần 1: 22/10/2024 -Lần 2: 23/10/2024 -Lần 3: 24/10/2024		

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư vào hệ thống xử lý nước thải của Công ty TNHH Phát triển Fuji Phúc Long bảo đảm đáp ứng Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của khu công nghiệp Việt Hàn, không xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép môi trường đã được cấp, phải báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, giải quyết.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với trạm xử lý nước thải, Chủ dự án phải báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thị xã Việt Yên để kịp thời xử lý.

Phụ lục 2**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI***(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND**ngày / /2024 của UBND tỉnh Bắc Giang)***A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI****1. Nguồn phát sinh khí thải:** Có 49 nguồn khí thải phát sinh

- Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ máy khuấy trộn 1T.
- Nguồn số 02: Khí thải phát sinh từ máy khuấy trộn 2T.
- Nguồn số 03: Khí thải phát sinh từ máy khuấy trộn 3T – máy 01.
- Nguồn số 04: Khí thải phát sinh từ máy khuấy trộn 3T – máy 02.
- Nguồn số 05: Khí thải phát sinh từ máy khuấy trộn 3T – máy 03.
- Nguồn số 06: Khí thải phát sinh từ máy khuấy trộn 3T – máy 04.
- Nguồn số 07: Khí thải phát sinh từ máy khuấy trộn 3T – máy 05.
- Nguồn số 08: Khí thải phát sinh từ máy khuấy trộn 3T – máy 06.
- Nguồn số 09: Khí thải phát sinh từ máy khuấy trộn 3T – máy 07.
- Nguồn số 10: Khí thải phát sinh từ máy khuấy trộn 3T – máy 08.
- Nguồn số 11: Khí thải phát sinh từ máy khuấy trộn 3T – máy 09.
- Nguồn số 12: Khí thải phát sinh từ máy khuấy trộn 3T – máy 10.
- Nguồn số 13: Khí thải phát sinh từ máy khuấy trộn 3T – máy 11.
- Nguồn số 14: Khí thải phát sinh từ máy khuấy trộn 3T – máy 12.
- Nguồn số 15: Khí thải phát sinh từ máy khuấy trộn 3T – máy 13.
- Nguồn số 16: Khí thải phát sinh từ máy khuấy trộn 3T – máy 14.
- Nguồn số 17: Khí thải phát sinh từ máy khuấy trộn 3T – máy 15.
- Nguồn số 18: Khí thải phát sinh từ máy khuấy trộn 3T – máy 16.
- Nguồn số 19: Khí thải phát sinh từ máy cán 01
- Nguồn số 20: Khí thải phát sinh từ máy cán 02
- Nguồn số 21: Khí thải phát sinh từ máy cán 03
- Nguồn số 22: Khí thải phát sinh từ máy cán 04
- Nguồn số 23: Khí thải phát sinh từ máy cán 05
- Nguồn số 24: Khí thải phát sinh từ máy cán 06
- Nguồn số 25: Khí thải phát sinh từ máy đùn ép 01
- Nguồn số 26: Khí thải phát sinh từ máy đùn ép 02

- Nguồn số 27: Khí thải phát sinh từ máy đùn ép 03
- Nguồn số 28: Khí thải phát sinh từ máy đùn ép 04
- Nguồn số 29: Khí thải phát sinh từ máy đùn ép 05
- Nguồn số 30: Khí thải phát sinh từ máy đùn ép 06
- Nguồn số 31: Khí thải phát sinh từ máy đùn ép 07
- Nguồn số 32: Khí thải phát sinh từ máy đùn ép 08
- Nguồn số 33: Khí thải phát sinh từ máy đùn ép 09
- Nguồn số 34: Khí thải phát sinh từ máy đùn ép 10
- Nguồn số 35: Khí thải phát sinh từ máy đùn ép 11
- Nguồn số 36: Khí thải phát sinh từ máy đùn ép 12
- Nguồn số 37: Khí thải phát sinh từ máy đùn ép 13
- Nguồn số 38: Khí thải phát sinh từ máy đùn ép 14
- Nguồn số 39: Khí thải phát sinh từ máy đùn ép 15
- Nguồn số 40: Khí thải phát sinh từ máy đùn ép 16
- Nguồn số 41: Khí thải phát sinh từ thiết bị EB 01
- Nguồn số 42: Khí thải phát sinh từ thiết bị EB 02
- Nguồn số 43: Khí thải phát sinh từ thiết bị EB 03
- Nguồn số 44: Khí thải phát sinh từ thiết bị gia nhiệt làm nóng chảy bavia nhựa để tạo hạt nhựa.
- Nguồn số 45: Khí thải phát sinh từ thiết bị gia nhiệt làm nóng chảy hạt nhựa để tạo hạt nhựa màu – máy 01
- Nguồn số 46: Khí thải phát sinh từ thiết bị gia nhiệt làm nóng chảy hạt nhựa để tạo hạt nhựa màu – máy 02
- Nguồn số 47: Khí thải phát sinh từ thiết bị gia nhiệt làm nóng chảy hạt nhựa để tạo hạt nhựa màu – máy 03
- Nguồn số 48: Khí thải phát sinh từ thiết bị gia nhiệt làm nóng chảy hạt nhựa để tạo hạt nhựa màu – máy 04
- Nguồn số 49: Khí thải phát sinh từ thiết bị gia nhiệt làm nóng chảy hạt nhựa để tạo hạt nhựa màu – máy 05

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải: 08 dòng khí thải

- Dòng khí thải số 01 (nguồn số 01-09): 01 dòng khí thải tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải khu vực khuấy trộn 1T, 2T, 3T – khu vực số 1.
- Dòng khí thải số 02 (nguồn số 10-18): 01 dòng khí thải tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải khu vực khuấy trộn 1T, 2T, 3T – khu vực số 2
- Dòng khí thải số 03 (nguồn số 19-24): 01 dòng khí thải tại ống thoát khí

thải sau hệ thống xử lý khí thải khu vực cán mỏng và phòng khai thác.

- Dòng khí thải số 04 (nguồn số 25-32): 01 dòng khí thải tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải dây chuyền ép đùn – khu vực số 1.

- Dòng khí thải số 05 (nguồn số 33-40): 01 dòng khí thải tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải dây chuyền ép đùn – khu vực số 2.

- Dòng khí thải số 06 (nguồn số 41-43): 01 dòng khí thải tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải công đoạn gia nhiệt xử lý bề mặt cho màng dán EVA trắng là dùng nhiệt đèn để chiếu vào sản phẩm làm cứng hóa sản phẩm (phát thải từ máy móc thiết bị EB gia nhiệt để làm nóng bốc hơi cứng hóa màng nhựa).

- Dòng khí thải số 07 (nguồn số 44): 01 dòng khí thải tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải công đoạn gia nhiệt làm nóng chảy bavia nhựa để tạo hạt nhựa.

- Dòng khí thải số 08 (nguồn số 45-49): 01 dòng khí thải tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải công đoạn gia nhiệt làm nóng chảy hạt nhựa để tạo hạt nhựa màu.

2.1. Vị trí xả khí thải:

TT	Dòng khí thải	Lưu lượng khí thải (m ³ /h)	Tọa độ (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 107 ⁰ , múi chiều 3 ⁰)	
			X	Y
1	Tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải khu vực khuấy trộn 1T, 2T, 3T – khu vực số 1	12.000	2351802	411064
2	Tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải khu vực khuấy trộn 1T, 2T, 3T – khu vực số 2	12.000	2351782	411093
3	Tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải khu vực cán mỏng và phòng khai thác	6.000	2351835	410851
4	Tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải dây chuyền ép đùn – khu vực số 1	40.000	2351863	410951
5	Tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải dây chuyền ép đùn – khu vực số 2	40.000	2351676	411272
6	Tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải công đoạn gia nhiệt xử lý bề mặt cho màng dán EVA trắng là dùng nhiệt đèn để chiếu vào sản phẩm làm cứng hóa sản phẩm (phát thải từ máy	10.000	2351644	411178

	móc thiết bị EB gia nhiệt để làm nóng bốc hơi cứng hóa màng nhựa)			
7	Tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải công đoạn gia nhiệt làm nóng chảy bavia nhựa để tạo hạt nhựa	14.000	2351689	411156
8	Tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải công đoạn gia nhiệt làm nóng chảy hạt nhựa để tạo hạt nhựa màu	24.000	2351725	411116

2.2. Lưu lượng khí thải lớn nhất: 158.000 m³/h, tương đương 3.792.000 m³/ngày (tính theo 24 giờ làm việc).

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Xả khí thải liên tục trong thời gian làm việc (24 giờ/ngày).

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (QCVN 19:2009/BTNMT, cột B), Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ (QCVN 20:2009/BTNMT) cụ thể như sau:

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn theo QCVN 19:2009/BTNMT, cột B và QCVN 20:2009/BTNMT (*)	Tần suất quan trắc định kỳ
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	200	06 tháng/lần
3	CO	mg/Nm ³	1.000	
4	SO ₂	mg/Nm ³	500	
5	NO _x	mg/Nm ³	850	
6	Benzen	mg/Nm ³	5^(*)	01 năm/lần
7	Vinylclorua	mg/Nm ³	20^(*)	
8	Xylen	mg/Nm ³	870^(*)	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- *Khí thải phát sinh từ khu vực khuấy trộn 1T, 2T, 3T – khu vực số 1:* Dòng khí thải phát sinh được thu gom từ các miệng thu khí qua hệ thống chụp hút bằng hợp kim kích thước 0,5mx0,5m (09 chụp) và đường ống nhánh dẫn khí bằng hợp

kim mềm dạng xoắn D200mm dài 22,5 m rồi qua đường ống chính dẫn khí thải có tổng chiều dài 87,8 m (các ống thu gồm các loại: D500mm dài 2,8 m; D400mm dài 17,5 m; D300mm dài 13,5 m; D200mm dài 54,0 m) dẫn về thiết bị xử lý khí thải công suất 12.000 m³/giờ.

- *Khí thải phát sinh từ khu vực khuấy trộn 1T, 2T, 3T – khu vực số 2*: Dòng khí thải phát sinh được thu gom từ các miệng thu khí qua hệ thống chụp hút bằng hợp kim kích thước 0,5mx0,5m (09 chụp) và đường ống nhánh dẫn khí bằng hợp kim mềm dạng xoắn D200mm dài 22,5 m rồi qua đường ống chính dẫn khí thải có tổng chiều dài 109,0 m (các ống thu gồm các loại: D500mm dài 23,0 m; D400mm dài 17,0 m; D300mm dài 15,0 m; D200mm dài 54,0 m) dẫn về thiết bị xử lý khí thải công suất 12.000 m³/giờ.

- *Khí thải phát sinh từ khu vực cán mỏng và phòng khai thác*: Dòng khí thải phát sinh được thu gom từ các miệng thu khí qua hệ thống chụp hút bằng hợp kim kích thước 0,3mx0,3m (10 chụp) và đường ống nhánh dẫn khí bằng hợp kim mềm dạng xoắn D150mm dài 25,0 m rồi qua đường ống chính dẫn khí thải có tổng chiều dài 89,1 m (các ống thu gồm các loại: D500mm dài 23,6 m; D400mm dài 45,0 m; D300mm dài 4,5 m; D150mm dài 16,0 m) dẫn về thiết bị xử lý khí thải công suất 6.000 m³/giờ.

- *Khí thải phát sinh từ dây chuyền ép đùn – khu vực số 1*: Dòng khí thải phát sinh được thu gom từ các miệng thu khí qua hệ thống chụp hút bằng hợp kim kích thước 1,1mx1,1m (08 chụp) và đường ống nhánh dẫn khí bằng hợp kim mềm dạng xoắn D200mm dài 20,0 m rồi qua đường ống chính dẫn khí thải có tổng chiều dài 128,3 m (các ống thu gồm các loại: D800mm dài 42,3 m; D700mm dài 21,0 m; D600mm dài 9,0 m; D200mm dài 56,0 m) dẫn về thiết bị xử lý khí thải công suất 40.000 m³/giờ.

- *Khí thải phát sinh từ dây chuyền ép đùn – khu vực số 2*: Dòng khí thải phát sinh được thu gom từ các miệng thu khí qua hệ thống chụp hút bằng hợp kim kích thước 1,1mx1,1m (08 chụp) và đường ống nhánh dẫn khí bằng hợp kim mềm dạng xoắn D200mm dài 5,0 m rồi qua đường ống chính dẫn khí thải có tổng chiều dài 131,9 m (các ống thu gồm các loại: D800mm dài 45,0 m; D700mm dài 21,0 m; D600mm dài 9,9 m; D200mm dài 56,0 m) dẫn về thiết bị xử lý khí thải công suất 40.000 m³/giờ.

- *Khí thải phát sinh từ công đoạn gia nhiệt xử lý bề mặt cho màng dán EVA trắng là dùng nhiệt đèn để chiếu vào sản phẩm làm cứng hóa sản phẩm (phát thải từ máy móc thiết bị EB gia nhiệt để làm nóng bốc hơi cứng hóa màng nhựa)*: Dòng khí thải phát sinh được thu gom từ các miệng thu khí qua hệ thống chụp hút bằng hợp kim kích thước 0,8mx0,8m (03 chụp) và đường ống nhánh dẫn khí bằng hợp kim mềm dạng xoắn D200mm dài 10,0 m rồi qua đường ống chính dẫn khí thải có tổng chiều dài 44,7 m (các ống thu gồm các loại: D450mm dài 24,7 m; D250mm dài 4,0 m; D200mm dài 16,0 m) dẫn về thiết bị xử lý khí thải công suất 10.000 m³/giờ.

- *Khí thải phát sinh từ công đoạn gia nhiệt làm nóng chảy bavia nhựa để tạo hạt nhựa*: Dòng khí thải phát sinh được thu gom từ các miệng thu khí qua hệ thống

chụp hút bằng hợp kim kích thước 0,8mx0,8m (01 chụp) và đường ống nhánh dẫn khí bằng hợp kim mềm dạng xoắn D200mm dài 5,0 m rồi qua đường ống chính dẫn khí thải có tổng chiều dài 67,1 m (các ống thu gồm các loại: D500mm dài 27,5 m; D400mm dài 12,5 m; D300mm dài 7,0 m; D200mm dài 20,1 m) dẫn về thiết bị xử lý khí thải công suất 14.000 m³/giờ.

- *Khí thải phát sinh từ công đoạn gia nhiệt làm nóng chảy hạt nhựa để tạo hạt nhựa màu*: Dòng khí thải phát sinh được thu gom từ các miệng thu khí qua hệ thống chụp hút bằng hợp kim kích thước 0,5mx0,5m (05 chụp) và đường ống nhánh dẫn khí bằng hợp kim mềm dạng xoắn D200mm dài 12,5 m rồi qua đường ống chính dẫn khí thải có tổng chiều dài 84,9 m (các ống thu gồm các loại: D600mm dài 25,0 m; D500mm dài 12,0 m; D400mm dài 9,2 m; D300mm dài 4,6 m; D200mm dài 34,1 m) dẫn về thiết bị xử lý khí thải công suất 24.000 m³/giờ.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

1.2.1. Hệ thống xử lý khí thải khu vực khuấy trộn 1T, 2T, 3T-khu vực số 1:

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý khí thải: Khí thải → Chụp hút khí + Đường ống dẫn khí → Thiết bị xử lý khí thải (than hoạt tính) → Quạt hút ly tâm → Ống thoát khí thải (khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B và QCVN 20:2009/BTNMT).

- Công suất thiết kế: 12.000 m³/giờ

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính 200kg/03 tháng.

1.2.2. Hệ thống xử lý khí thải khu vực khuấy trộn 1T, 2T, 3T-khu vực số 2:

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý khí thải: Khí thải → Chụp hút khí + Đường ống dẫn khí → Thiết bị xử lý khí thải (than hoạt tính) → Quạt hút ly tâm → Ống thoát khí thải (khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B và QCVN 20:2009/BTNMT).

- Công suất thiết kế: 12.000 m³/giờ

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính 200kg/03 tháng.

1.2.3. Hệ thống xử lý khí thải khu vực cán mỏng và phòng khai thác:

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý khí thải: Khí thải → Chụp hút khí + Đường ống dẫn khí → Thiết bị xử lý khí thải (than hoạt tính) → Quạt hút ly tâm → Ống thoát khí thải (khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B và QCVN 20:2009/BTNMT).

- Công suất thiết kế: 6.000 m³/giờ

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính 100kg/03 tháng.

1.2.4. Hệ thống xử lý khí thải dây chuyền ép đùn – khu vực số 1:

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý khí thải: Khí thải → Chụp hút khí + Đường ống dẫn khí → Thiết bị xử lý khí thải (than hoạt tính) → Quạt hút ly tâm → Ống thoát khí thải (khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B và QCVN 20:2009/BTNMT).

- Công suất thiết kế: 40.000 m³/giờ
- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính 500kg/03 tháng.

1.2.5. Hệ thống xử lý khí thải dây chuyền ép đùn – khu vực số 2:

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý khí thải: Khí thải → Chụp hút khí + Đường ống dẫn khí → Thiết bị xử lý khí thải (than hoạt tính) → Quạt hút ly tâm → Ống thoát khí thải (khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B và QCVN 20:2009/BTNMT).

- Công suất thiết kế: 40.000 m³/giờ
- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính 500kg/03 tháng.

1.2.6. Hệ thống xử lý khí thải công đoạn gia nhiệt xử lý bề mặt cho màng dán EVA trắng là dùng nhiệt đèn để chiếu vào sản phẩm làm cứng hóa sản phẩm (phát thải từ máy móc thiết bị EB gia nhiệt để làm nóng bốc hơi cứng hóa màng nhựa):

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý khí thải: Khí thải → Chụp hút khí + Đường ống dẫn khí → Thiết bị xử lý khí thải (than hoạt tính) → Quạt hút ly tâm → Ống thoát khí thải (khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B và QCVN 20:2009/BTNMT).

- Công suất thiết kế: 10.000 m³/giờ
- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính 150kg/03 tháng.

1.2.7. Hệ thống xử lý khí thải từ công đoạn gia nhiệt làm nóng chảy Bavaria nhựa để tạo hạt nhựa:

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý khí thải: Khí thải → Chụp hút khí + Đường ống dẫn khí → Thiết bị xử lý khí thải (than hoạt tính) → Quạt hút ly tâm → Ống thoát khí thải (khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B và QCVN 20:2009/BTNMT).

- Công suất thiết kế: 14.000 m³/giờ
- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính 300kg/03 tháng.

1.2.8. Hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ công đoạn gia nhiệt làm nóng chảy hạt nhựa để tạo hạt nhựa màu:

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý khí thải: Khí thải → Chụp hút khí + Đường ống dẫn khí → Thiết bị xử lý khí thải (than hoạt tính) → Quạt hút ly tâm → Ống thoát khí thải (khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B và QCVN 20:2009/BTNMT).

- Công suất thiết kế: 24.000 m³/giờ
- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính 900kg/03 tháng.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống xử lý khí thải

1.4.1. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa sự cố

- Bố trí nhân lực để giám sát hoạt động của hệ thống nhằm kịp thời phát hiện những tiềm ẩn nguy cơ phát sinh sự cố. Công nhân vận hành hệ thống thường xuyên được đào tạo để nâng cao kiến thức và kỹ năng trong quá trình giám sát và vận hành hệ thống.

- Tự động hóa hoạt động của hệ thống xử lý khí thải nhằm hạn chế nguy cơ xảy ra sự cố. Có báo cáo theo dõi hàng ngày về tình hình hoạt động của hệ thống

- Có kế hoạch xử lý và khắc phục khi xảy ra sự cố về hệ thống xử lý khí thải; luôn đảm bảo số lượng vật tư thay thế dự phòng.

- Định kỳ bảo trì, bảo dưỡng các đường ống thu gom, các thiết bị xử lý, kịp thời sửa chữa và thay thế khi phát hiện các dấu hiệu hỏng hóc với tần suất 6 tháng/lần.

1.4.2. Biện pháp, công trình, thiết bị ứng phó sự cố

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với các hệ thống xử lý khí thải, chủ dự án thực hiện báo cáo bằng văn bản với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thị xã Việt Yên để kịp thời xử lý.

- Trường hợp khí thải vượt quy chuẩn đầu ra cho phép, tạm dừng hoạt động để tiến hành kiểm tra, khắc phục sự cố. Sau khi khắc phục xong, tiếp tục hoạt động đảm bảo khí thải được xử lý đạt quy chuẩn trước khi xả ra môi trường.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến từ tháng 10/2024 ÷ 12/2024.

2.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải phải vận hành thử nghiệm: 08 hệ thống xử lý bụi, khí thải. Gồm:

- Hệ thống xử lý khí thải khu vực khuấy trộn 1T, 2T, 3T – khu vực số 1 công suất 12.000 m³/giờ.

- Hệ thống xử lý khí thải khu vực khuấy trộn 1T, 2T, 3T – khu vực số 2 công suất 12.000 m³/giờ.

- Hệ thống xử lý khí thải khu vực cán mỏng và phòng khai thác công suất 6.000m³/giờ.

- Hệ thống xử lý khí thải dây chuyền ép đùn – khu vực số 1 công suất 40.000 m³/giờ.

- Hệ thống xử lý khí thải dây chuyền ép đùn – khu vực số 2 công suất 40.000 m³/giờ.

- Hệ thống xử lý khí thải công đoạn gia nhiệt xử lý bề mặt cho màng dán EVA trắng là dùng nhiệt đèn để chiếu vào sản phẩm làm cứng hóa sản phẩm (phát thải từ máy móc thiết bị EB gia nhiệt để làm nóng bốc hơi cứng hóa màng nhựa) công suất 10.000 m³/giờ.

- Hệ thống xử lý khí thải công đoạn gia nhiệt làm nóng chảy bavia nhựa để tạo hạt nhựa công suất 14.000 m³/giờ.

- Hệ thống xử lý khí thải công đoạn gia nhiệt làm nóng chảy hạt nhựa để tạo hạt nhựa màu công suất 24.000 m³/giờ.

2.3. Vị trí lấy mẫu, tần suất lấy mẫu:

TT	Vị trí giám sát	Tần suất lấy mẫu	Thông số giám sát	Quy chuẩn so sánh
1	01 vị trí tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải khu vực khuấy trộn 1T, 2T, 3T – khu vực số 1	Lấy mẫu đơn với tần suất 01 ngày/lần, trong vòng 3 ngày liên tiếp. Thời gian dự kiến như sau: -Lần 1: 22/10/2024 -Lần 2: 23/10/2024 -Lần 3: 24/10/2024	Bụi tổng, CO, SO ₂ , NO _x , Benzen, Vinylclorua, Xylen	QCVN 19:2009/BTNMT, cột B; QCVN 20:2009/BTNMT
2	01 vị trí tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải khu vực khuấy trộn 1T, 2T, 3T – khu vực số 2			
3	01 vị trí tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải khu vực cán mỏng và phòng khai thác			
4	01 vị trí tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải dây chuyền ép đùn – khu vực số 1			
5	01 vị trí tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải dây chuyền ép đùn – khu vực số 2			
6	01 vị trí tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải công đoạn gia nhiệt xử lý bề mặt cho màng dán EVA trắng là dùng nhiệt đèn để chiếu vào sản phẩm làm cứng hóa sản phẩm (phát thải từ máy móc thiết bị EB gia nhiệt để làm nóng bốc hơi cứng hóa màng nhựa)			
7	01 vị trí tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải công đoạn gia nhiệt làm nóng chảy bavia nhựa để tạo hạt nhựa			
8	01 vị trí tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải công đoạn gia nhiệt làm nóng chảy hạt nhựa để tạo hạt nhựa màu			

2.4. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm (theo nội dung được cấp phép tại Phần A phụ lục này).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, giải quyết.

- Thường xuyên vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình, thiết kế, đảm bảo xử lý khí thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với các hệ thống xử lý khí thải, Chủ dự án phải báo cáo bằng văn bản với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang, UBND thị xã Việt Yên để kịp thời xử lý.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND
ngày / /2024 của UBND tỉnh Bắc Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- + Nguồn số 01: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động sản xuất tại tầng 1.
- + Nguồn số 02: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động sản xuất tại tầng 2.
- + Nguồn số 03: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của máy nén khí.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: 02 vị trí (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 107°, múi chiếu 3°)

- Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

+ Vị trí 01: Tại khu vực đặt máy móc, thiết bị tầng 1. Tọa độ (Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 1070, múi chiếu 30): X = 2350757; Y = 411100.

+ Vị trí 02: Tại khu vực đặt máy móc, thiết bị tầng 2. Tọa độ (Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 1070, múi chiếu 30): X = 2350790; Y = 411197.

+ Vị trí 03: Tại khu vực đặt máy nén khí. Tọa độ (Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 1070, múi chiếu 30): X = 2350794; Y = 411186.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung; cụ thể như sau:

+ Tiếng ồn:

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21 - 6 giờ (dBA)	Ghi chú
1	70	55	Khu vực thông thường

+ Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ	
1	70	60	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Lắp đặt máy móc, thiết bị đúng yêu cầu kỹ thuật nhằm làm giảm chấn động khi hoạt động như: Xây dựng bệ máy cho mỗi loại máy, cân bằng máy khi lắp đặt,

lắp các bộ tắt chấn động lực dùng các kết cấu đàn hồi để giảm rung,...

- Bố trí khoảng cách giữa các máy móc, thiết bị có độ ồn lớn hợp lý.
- Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị để đảm bảo máy luôn trong tình trạng hoạt động tốt.
- Trang bị cho công nhân vận hành các trang thiết bị chống ồn như nút bịt tai, quần áo bảo hộ,...
- Thực hiện chế độ làm việc hợp lý, điều chỉnh giảm bớt thời gian người lao động phải tiếp xúc với nguồn ồn cao.
- Đối với người lao động tại khu vực có độ ồn cao phải được trang bị các thiết bị giảm âm chống tiếng ồn nhằm tránh các bệnh nghề nghiệp mắc phải.
- Lắp đặt đệm cao su và lò xo chống rung đối với các thiết bị có công suất lớn.
- Sử dụng các loại máy móc hiện đại ít gây ra tiếng ồn lớn.
- Lắp đặt hệ thống giảm thanh cho các máy móc, thiết bị gây tiếng ồn.
- Trồng cây xanh trên hành lang, sát tường rào, khu đất trống, vừa tăng cường cảnh quan vừa giúp giảm phát tán tiếng ồn ra môi trường xung quanh.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND
ngày / /2024 của UBND tỉnh Bắc Giang)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

TT	Loại chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Mã CTNH
1	Hộp mực in thải	Rắn	20	08 02 04
2	Giẻ lau, găng tay nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	500	18 02 01
3	Dầu động cơ bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	5.000	17 02 03
4	Than hoạt tính từ quá trình xử lý khí thải	Rắn	24.000	12 01 04
5	Vỏ thùng, can đựng hóa chất bằng nhựa	Rắn	2.000	18 01 03
6	Vỏ thùng can đựng hóa chất bằng kim loại	Rắn	15.000	18 01 02
	Tổng		46.520	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh khoảng 44.300 kg/tháng, gồm:

TT	Tên chất thải rắn	Đơn vị	Khối lượng
1	Bìa, giấy vụn, băng dính, nilon	Kg/tháng	30.000
2	Bavia màng nhựa, vụn nhựa, sản phẩm lỗi hỏng	Kg/tháng	14.300
	Tổng	Kg/tháng	44.300

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: khoảng 150 kg/ngày, rác thải sinh hoạt chủ yếu như túi nilong, vỏ chai lọ, vỏ hoa quả bánh kẹo, giấy ăn, bã...

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Bố trí 5 thùng bằng nhựa có nắp đậy dung tích 120 lít/thùng, lưu giữ chất thải nguy hại tại khu vực kho chứa chất thải nguy hại, các thùng có tên, mã số chất thải nguy hại và dấu hiệu cảnh báo theo quy định. Chủ dự án ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định (tần suất 1 lần/tháng).

2.1.2. Kho chứa chất thải nguy hại:

- Diện tích kho chứa chất thải nguy hại: 108m² (kích thước 18x6m), được bố trí bên cạnh nhà xưởng.

- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa: Mái và tường tôn bao quanh, nền bê tông xi măng chống thấm, có cửa ra vào, dán biển báo. Nền có gờ chống tràn xây bằng gạch đặc tại cửa ra vào, rãnh và hố thu gom chất thải lỏng phòng ngừa sự cố. Chiều cao công trình 3,6m.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải sản xuất

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng chứa chất thải sản xuất tại các vị trí như sau:

Trong nhà xưởng bố trí 30 thùng chứa rác có nắp đậy bằng nhựa với dung tích 150lít/thùng tại các khu vực sản xuất chia đều cho các tầng. Sau đó thu gom về kho chứa và ký hợp đồng thuê đơn vị đến thu gom, vận chuyển để xử lý theo quy định (tần suất 1 lần/tháng).

2.2.2. Kho chứa chất thải sản xuất:

- Diện tích kho chứa chất thải sản xuất: 324 m² (kích thước 18mx18m), được bố trí bên cạnh nhà xưởng.

- Thiết kế: Kho xây dựng khép kín, tường bao gạch bao quanh, nền xi măng, mái tôn, có cửa ra vào, gắn biển báo cảnh báo tại cửa ra vào, chiều cao công trình 3,6m.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

Chủ dự án bố trí 20 thùng nhựa chứa rác dung tích 100 lít/thùng có nắp đậy ở khu vực văn phòng, khu vực sản xuất,... Sau đó thu gom về kho chứa và ký hợp đồng với đơn vị vệ sinh đến thu gom, vận chuyển để xử lý theo quy định (tần suất 2-3 ngày/lần).

2.3.2. Khu vực lưu chứa:

- Diện tích kho chứa chất thải sinh hoạt: 108 m² (kích thước 18x6m), được bố trí bên ngoài nhà xưởng.

- Thiết kế: Kho xây dựng khép kín, tường gạch bao quanh, nền xi măng, mái tôn, có cửa ra vào và gắn biển báo cảnh báo, chiều cao công trình 3,6m.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải. Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải. Trong trường hợp xảy ra sự cố, nhanh chóng dừng hoạt động sản xuất, có các biện pháp khắc phục sự cố cho hệ thống xử lý nước thải. Chỉ được tiếp tục hoạt động nhà máy khi xử lý khắc phục hoàn toàn sự cố.

Phụ lục 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND
ngày / /2024 của UBND tỉnh Bắc Giang)

Công ty TNHH vật liệu ứng dụng HIUV có trách nhiệm:

- Tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường đã được cấp.

- Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng chống và ứng phó sự cố môi trường, chịu trách nhiệm đền bù khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra; các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác có liên quan trong quá trình thực hiện dự án. Chịu trách nhiệm sửa chữa, duy tu, xây dựng mới hoặc bồi thường trong trường hợp gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác xung quanh khu vực thực hiện dự án.

- Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố về môi trường trong quá trình thực hiện dự án; định kỳ kiểm tra, duy tu bảo dưỡng các công trình bảo vệ môi trường để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý.

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải đảm bảo đạt Tiêu chuẩn quy định của khu công nghiệp Việt Hàn trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý của khu công nghiệp Việt Hàn.

- Vận hành các hệ thống thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B và QCVN 20:2009/BTNMT trước khi thải ra ngoài môi trường.

- Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của dự án cho UBND tỉnh Bắc Giang, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thị xã Việt Yên trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm để theo dõi, giám sát; thực hiện vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quy định.

- Quản lý thu gom và xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh theo đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 198/TTr-TNMT ngày 25/4/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường dự án.